

## VIỆC LÀM CỦA CƯ DÂN NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI ĐÔ THỊ TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH TỪ TRỒNG LÚA SANG NUÔI TÔM

Ngô Thị Phương Lan

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Qua phân tích hiện tượng di cư lao động ở các vùng chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm, bài viết cho thấy trong bối cảnh mới hiện nay, không thể được phân tích tách rời mối quan hệ nông thôn và thành thị. Trong nghiên cứu của chúng tôi, mối quan hệ này thể hiện qua hai vấn đề, việc làm ở cộng đồng nông dân nông thôn hiện nay và hiện tượng di cư lao động nông thôn – thành thị. Sự dư thừa lao động, thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ở nông thôn, và các yếu tố bất ổn trong sản xuất nông nghiệp hiện nay vẫn là những lý do quan trọng dẫn đến sự di cư lao động mạnh mẽ của các cư dân của vùng đất này. Phát hiện của chúng tôi đó là có vị trí địa lý gần kề với các khu đô thị công nghiệp tuy vẫn là một nguyên nhân quan trọng trong việc tác động đến di cư nông thôn – đô thị của các cư dân nông thôn nhưng trong bối cảnh phát triển hiện nay đặc biệt về giao thông và thông tin, yếu tố không gian này đã có sự thay đổi. Việc các vùng nông thôn được nối kết chặt chẽ hơn với các vùng đô thị công nghiệp đã tạo điều kiện cho dòng di cư lao động nông thôn – đô thị ngày càng phổ biến. Ngoài ra, di cư lao động còn là một chỉ báo cho tính thiếu bền vững của sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL hiện nay.

**Từ khóa:** di cư lao động, nông thôn – đô thị, nuôi tôm, đồng bằng sông Cửu Long.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp là một hiện tượng nổi bật ở nông thôn Việt Nam trong đó có vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong những thập kỷ qua. Nông dân vùng ĐBSCL đã khai thác ngày càng triệt để tiềm năng của vùng đất nông nghiệp màu mỡ này. Với những kết quả tích cực trong việc tăng giá trị và sản lượng sản xuất, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế này đã đem đến nhiều thay đổi về nhiều mặt cho vùng đất sản xuất nông nghiệp quan trọng vào bậc nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, sự dư thừa lao động trong nông nghiệp, thiếu đất sản xuất, mong muốn có cơ hội tốt hơn ở đô thị, và hoạt động

nông nghiệp không hiệu quả vẫn còn là những lý do dẫn đến di cư lao động từ các khu vực nông thôn vùng ĐBSCL đến các đô thị công nghiệp lớn ở phía Nam như Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai. ĐBSCL là một trong ba vùng có số lượng người xuất cư nhiều nhất trong cả nước [6, tr. 31]. Quan điểm của bài viết cho là trong bối cảnh hiện nay, mối quan hệ nông thôn và thành thị không thể được phân tích tách rời nhau. Giữa chúng có mối quan hệ hỗ trợ qua lại. Nhận thức này quan trọng cho việc phát triển vùng và quy hoạch phát triển kinh tế vùng qua sự phân công lao động hợp lý giữa các khu vực nông thôn và

thành thị. Qua việc khảo sát hoạt động kinh tế của các cư dân ở nông thôn, bài viết sẽ trình bày về mối quan hệ này thể hiện qua hai nội dung chính: việc làm của nông dân ở nông thôn hiện nay và hiện tượng di cư lao động.

Dữ liệu nghiên cứu dựa trên cuộc khảo sát tại hai cộng đồng nuôi tôm ở ĐBSCL vào năm 2009-2010. Một cộng đồng ở tỉnh Long An, nơi có diện tích nuôi tôm ít nhất và một cộng đồng ở tỉnh Cà Mau nơi có diện tích nuôi tôm nhiều nhất vùng. Ngoài ra, cộng đồng ở tỉnh Long An có vị trí địa lý gần với Tp. Hồ Chí Minh trong khi cộng đồng ở tỉnh Cà Mau nằm cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 400 km.

#### **Nông thôn và đô thị**

Sự phân biệt nông thôn và đô thị vẫn thường xuyên được đề cập trong cuộc sống hàng ngày, trong các văn bản, và các công trình nghiên cứu... nhưng cho đến nay vẫn chưa có tiêu chuẩn nào mang tính thống nhất toàn cầu để phân biệt hai khái niệm. Những tiêu chí về đô thị thường khác nhau giữa các quốc gia [8, tr. 64]. Hai khái niệm này thường được hiểu theo mối quan hệ cấu trúc; chúng tồn tại không tách rời nhau. Để hiểu về nông thôn, người ta so sánh với đô thị và ngược lại. Các tiêu chí xác định đô thị thường được sử dụng là sự phân công lao động phức tạp, mật độ dân số cao, quy mô dân số lớn, các đặc tính của môi trường đô thị được tạo dựng (lối sống đô thị), ranh giới hành chính hay chính trị, và chức năng kinh tế [8],[9]. Do tiêu chí xác định đô thị của mỗi quốc gia khác nhau nên nhiều công trình nghiên cứu thường sử dụng định nghĩa của

Liên Hiệp quốc để xác định các khu đô thị là có quy mô dân số từ 20.000 người trở lên và các thành phố là 100.000 người trở lên [8, tr. 470]. Trong các nghiên cứu khác, nghề nghiệp [1, tr. 17] hay mật độ cư trú [10, tr.853] đã được sử dụng như các tiêu chí để phân biệt nông thôn và thành thị. Perreaul (1989) cho là sự phân biệt này có tính chất tương đối, là một phân chia có tính chất địa lý [1, tr.17]. Tuy không có sự thống nhất nhưng tiêu chí quy mô dân số hay mật độ dân cư là những tiêu chí thường được sử dụng nhất [8, tr.470],[9, tr. 65).

Theo từ điển tiếng Việt, khái niệm nông thôn dùng để chỉ “khu vực dân cư tập trung chủ yếu làm nghề nông; phân biệt với thành thị” [7, tr.740]. Trong khi đó, khái niệm thành thị hay đô thị dùng để chỉ “thành phố, thị xã, nơi tập trung đông dân cư, công nghiệp và thương nghiệp phát triển; phân biệt với nông thôn [7, tr.915]. Xét về mặt chức năng sản xuất, nông thôn và đô thị có một mối quan hệ khăng khít. Nông thôn là nơi chủ yếu sản xuất và cung cấp lương thực thực phẩm cho đa số dân cư sống ở đô thị, trong khi đó đô thị là nơi sản xuất và cung cấp các hàng hóa và dịch vụ cần thiết của con người trong đó có cư dân nông thôn. Theo cách hiểu này, hai khái niệm nông thôn và đô thị dùng để chỉ khu vực cư trú phân biệt theo nghề nghiệp và mật độ cư trú. Theo đó, nông thôn là nơi tập trung của kinh tế nông nghiệp trong khi thành thị là của công nghiệp và thương nghiệp, hoạt động phi nông nghiệp; thành thị hay đô thị có mật độ dân số cao. Do tập trung khảo sát về việc làm của cư dân nông thôn trong mối quan hệ với đô thị, và cùng chia

xê sự phân biệt nông thôn và thành thị mang tính chất tương đối, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi mà những khác biệt nông thôn-đô thị ngày càng giảm thiểu mạnh mẽ nhờ vào sự phát triển chung về nhiều mặt như giao thông, truyền thông, di dân lao động và đặc biệt là tốc độ đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong vùng, chúng tôi sử dụng cách phân biệt khái niệm nông thôn và đô thị theo tiêu chí nghề nghiệp và mật độ dân cư trong khảo sát của mình.<sup>20</sup>

### **Cộng đồng nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long qua hai địa bàn khảo sát**

Cách trung tâm xã khoảng 30 phút đi bằng đường thủy, Thị Tường là ấp lớn nhất của xã Hòa Mỹ, đã chuyển dịch từ trồng lúa sang tôm từ năm 2001.<sup>21</sup> Với diện tích tự nhiên 605 ha, trong đó diện tích nông nghiệp là 300 ha (năm 2009), diện tích còn lại là đất thổ cư và các kinh dẫn nước mặn để nuôi tôm và làm bờ cho các ruộng tôm. Ấp Thị Tường có 409 hộ với 1.964 khẩu (tháng 4 năm 2009) chia ra thành 12 tổ tự quản.<sup>22</sup>

Về cơ sở hạ tầng, tuy có một ít tuyến đường trong ấp Thị Tường đã có đường đá nhưng phương tiện đi lại chủ yếu và hiệu quả nhất hiện nay vẫn là bằng ghe xuồng. Từ năm 2000 trở về trước, do có đê ngăn mặn giữ ngọt nên

các lòng kinh thường khô hạn vào mùa khô và nhỏ hẹp nên cư dân chủ yếu đi bộ khi di chuyển trong địa phương. Vào mùa mưa thì đi lại bằng xuồng. Hiện nay, người dân đi bằng xuồng máy “vô lái”. Trong các hộ khảo sát, số hộ có xuồng máy là 69%. Về nhà ở, số nhà tạm bợ ở Thị Tường vẫn còn chiếm đa số. Trong các hộ khảo sát, tình trạng nhà tạm bợ chiếm 53%, nhà khung gỗ lâu bền 24,8%, nhà kiên cố và bán kiên cố là 22,2%.

Khi trồng lúa là hoạt động sản xuất chính thì người dân tự túc lương thực và thực phẩm dựa vào các sản vật có trong ao, ruộng, vườn quanh nhà. Từ khi chuyển sang nuôi tôm, việc tự túc lương thực này đã giảm dần. Thay vào đó, cuộc sống của người dân phụ thuộc mạnh mẽ vào thị trường. Dịch vụ mua bán bằng xuồng trên sông phát triển để cung cấp thực phẩm hàng ngày. Người dân thường bán hàng vào buổi sáng bằng hình thức chạy xuồng trên các con kinh và rao loại hàng hóa mình bán hoặc là dùng các tín hiệu còi để báo hiệu cho người mua. Khi cần mua hàng hóa với số lượng lớn và những đồ dùng chuyên biệt, người dân thường đi chợ Rau Dừa hoặc Cái Nước cách trung tâm ấp khoảng nửa tiếng đi bằng xuồng máy.

Do diện tích đất của các hộ gia đình ở đây khá lớn nên khoảng cách giữa các nhà thường xa nhau và bị chia cắt bởi các kinh mương lớn nhỏ khác nhau. Bao quanh ngôi nhà ở là các ao, mương và ruộng tôm. Ruộng tôm được cải tạo từ những ruộng lúa trước đây hoặc được đào từ đất vườn quanh nhà. Đất nông nghiệp hiện nay được sử dụng để nuôi tôm và trồng lúa, phần còn lại là trồng cây ăn trái.

<sup>20</sup> Theo Nghị định của Chính phủ số 72/2001/ ND-CP ngày 5 tháng 10 năm 2001 về việc phân loại đô thị và quản lý đô thị, thì các đô thị có tỷ lệ kinh tế phi nông nghiệp ít nhất từ 65% trở lên và mật độ dân số là từ 2.000 người/ km<sup>2</sup> với quy mô dân số từ 4.000 người trở lên (đô thị loại V). Theo tiêu chí đó, hai cộng đồng khảo sát của chúng tôi là hai cộng đồng nông thôn.

<sup>21</sup> Xã Hòa Mỹ tách ra khỏi xã Hưng Mỹ vào năm 2005, cách thị trấn Cái Nước khoảng 10 km đường bộ

<sup>22</sup> Phòng văn Ban lãnh đạo ấp Thị Tường năm 2009

Cùng chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều, và có hệ thống kinh rạch chằng chịt như Thị Tường của tỉnh Cà Mau, Tân Chánh là xã có diện tích nuôi tôm lớn nhất của huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Với diện tích tự nhiên 163 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 95 ha, ấp Đình là một trong bảy ấp của xã Tân Chánh thực hiện chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm mạnh mẽ. Ấp hiện có 245 hộ với 1.295 khẩu (tháng 4 năm 2009).<sup>23</sup> Tên của ấp gắn liền với sự tồn tại của đình Tân Chánh. Đình thờ chường cơ Xuân Quang hầu Nguyễn Khắc Tuấn, một vị tướng phục vụ dưới thời vua Gia Long và Minh Mạng, được vua Minh Mạng phong tước vào ngày 3 tháng 3 năm 1823 [2, tr.28]. Hiện nay, đình là trung tâm sinh hoạt văn hóa, xã hội, và chính trị của cộng đồng, là điểm tổ chức các cuộc hội họp của cộng đồng.

Về cơ sở hạ tầng, khác với Thị Tường của tỉnh Cà Mau do lợi nhuận từ việc đi ghe, một nghề truyền thống khá phổ biến ở đây, và từ nuôi tôm ở giai đoạn 1998-2001 ở ấp Đình nhà cửa được xây cất khang trang hơn. Trong các hộ khảo sát của đề tài, nhà ở kiên cố và bán kiên cố chiếm 75,7%, nhà khung gỗ lâu bền là 8,6%, và nhà tạm bợ chiếm 15,8%.

Đường giao thông chính của ấp Đình là đường bộ. Về cơ bản, toàn ấp đều đã có đường đal<sup>24</sup> giúp cho việc đi lại của người dân được

dễ dàng nhất là vào mùa mưa. Trước đây, do cư dân đa số làm nghề đi ghe và phụ thuộc vào giao thông đường thủy vào mùa mưa nên thường cư trú dọc theo các kinh rạch. Hiện nay, cư dân còn cư trú dọc theo các con đường giao thông trong ấp. Ruộng vườn thường nằm ở gần nhà. Vào mỗi buổi sáng, tại ngã tư đình, đầu trục đường giáp với Hương lộ 24 (nay là đường Huyện 24) dẫn vào ấp có chợ nhỏ họp bán các hàng hóa cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày. Chợ nhóm họp từ rất sớm và chỉ nhóm vào buổi sáng. Quanh ngã tư này có các quán bán đồ ăn sáng, bán cà phê, các cửa hàng tạp hóa và dịch vụ khác phục vụ cho nhu cầu hàng ngày của người dân.

Tóm lại, hai cộng đồng nghiên cứu đều thuộc vùng nước lợ, với đặc trưng có sáu tháng nước ngọt và sáu tháng nước mặn mỗi năm. Cư dân trước khi chuyển dịch sang nuôi tôm chủ yếu trồng một vụ lúa và năng suất không cao, chỉ từ hai đến ba tấn/ ha/ năm. Hiện nay, ở hai cộng đồng, nuôi tôm là hoạt động nông nghiệp chính. Tuy giá trị của tôm cao hơn lúa từ 7 đến 10 lần trên cùng một đơn vị sản xuất nhưng đây cũng là một nghề có nhiều rủi ro. Do vậy, nuôi tôm cũng chưa đem đến một thu nhập ổn định cho người dân ở nông thôn.

### **Việc làm của các cư dân nông thôn và vấn đề di cư lao động**

Cùng là hai cộng đồng cư trú ở vùng có sự giao thoa giữa hai hệ sinh thái nước mặn và nước ngọt, cư dân của ấp Thị Tường, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước của tỉnh Cà Mau và của ấp Đình, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An tuy hiện nay nuôi tôm là hoạt động

<sup>23</sup> Phỏng vấn Ban lãnh đạo ấp Đình, tháng 7 năm 2009

<sup>24</sup> Đường đal (lộ đal) là hình thức các đường đi trong ấp được lót bằng các tấm đal làm bằng xi măng, có bề rộng khoảng 0,8 mét, chỉ vừa một chiếc xe đi. Do vậy, người đi xe ngược chiều nhau tránh xe ở các đường tẻ vào các hộ dân. Tấm đal được lót giữa đường, hai bên chừa lề đất để người đi bộ có thể tránh xe. Bề ngang của đường giao thông lớn nhất trong ấp là khoảng 2 mét.

nông nghiệp chủ yếu nhưng do có vị trí địa lý, các quá trình lịch sử- xã hội và chính trị đặc trưng nên hai cộng đồng này có những nét tương đồng và dị biệt thể hiện trong việc làm của các cư dân. Mối quan hệ với đô thị thể hiện qua sự đa dạng ngành nghề trong cộng đồng nông thôn và vấn đề di cư lao động nông thôn – thành thị.

*Sự đa dạng ngành nghề:* Nuôi tôm là nghề chiếm tỷ lệ cao nhất trong các ngành nghề ở hai địa bàn phản ánh kinh tế chủ đạo của hai địa bàn (Ở Thị Tường là 60,9%, ở ấp Đình là 35,7%). Tuy là địa bàn nông thôn nhưng hoạt động chăn nuôi gắn liền với nông nghiệp trồng lúa không còn phổ biến. Từ năm 2000 trở về trước, ở cả hai địa phương, hình thức chăn nuôi gia súc (chủ yếu là heo), và gia cầm rất phát triển. Ngoài việc nuôi gia súc và gia cầm để phục vụ cho tiêu thụ hàng ngày và đám tiệc của gia đình, người dân còn nuôi để tham gia thị trường như một hình thức để có tiền mặt cho các chi phí khác của gia đình. Khi chuyển sang nuôi tôm, hình thức chăn nuôi gia súc và gia cầm chủ yếu chỉ để tiêu thụ trong gia đình do chi phí sản xuất cao vì người dân không còn tự túc được các sản phẩm phụ trong nông nghiệp phục vụ chăn nuôi. Hiện nay, ở ấp Thị Tường của tỉnh Cà Mau, người dân chủ yếu nuôi heo để phục vụ cho đám tiệc của gia đình trong khi ở ấp Đình chủ yếu là gia cầm.

Bên cạnh hoạt động chính là nuôi tôm, người dân ở hai địa bàn nghiên cứu còn tham gia vào nhiều hoạt động phi nông nghiệp. Ấp Đình của Long An do có vị trí địa lý và đường giao thông thuận lợi, sự phát triển của nghề vận tải

đường sông và các ngành nghề kinh doanh về tôm nên số lượng ngành nghề phi nông nghiệp đa dạng hơn ở Thị Tường. Ở cả hai cộng đồng đều có các doanh nghiệp tư nhân nhưng có đặc điểm chung là mang tính chất kinh tế hộ gia đình. Trong khi toàn xã Hòa Mỹ của tỉnh Cà Mau chỉ có 5 công ty và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thu mua tôm và kinh doanh xăng dầu thì xã Tân Chánh của tỉnh Long An có hơn 50 công ty chuyên về lĩnh vực thu mua tôm, cung cấp tôm giống, thức ăn, vận tải đường sông và san lấp công trình. Nghề vận tải đường sông rất phát triển ở xã Tân Chánh của tỉnh Long An với sự hiện diện của ba xưởng đóng sà lan với quy mô lúc đông nhất là từ 100 đến 400 công nhân/ xưởng. Toàn xã có hơn 500 phương tiện vận chuyển hàng hóa khắp các tỉnh và thành phố ở phía Nam (phỏng vấn UBND xã Tân Chánh, 2009).

Tỷ lệ người đi làm mướn ở ấp Đình cao hơn so với Thị Tường (19% so với 9%) cũng phản ánh tính chất đa dạng về nghề nghiệp và khả năng tiếp cận với các cơ hội nghề nghiệp thuận lợi hơn. Đặc điểm của những người đi làm mướn là không có một nghề chuyên nghiệp. Người đi làm mướn ở hai địa bàn chủ yếu là phụ hồ và lao động phổ thông. Thị trường lao động chính của người đi làm mướn ở ấp Đình là ở tại xã và thành phố Hồ Chí Minh trong khi ở Thị Tường là các vùng trồng lúa trong tỉnh hay các tỉnh lân cận, và các khu đô thị công nghiệp ở vùng Đông Nam bộ. Các ngành nghề khác ở Thị Tường đơn thuần chỉ là công nhân và thợ mộc trong khi ở ấp Đình các ngành nghề khác rất đa dạng gồm có chạy xe ôm, thợ may,

bảo vệ, đi ghe, thợ hồ, công nhân, làm nhang, đóng đậy, xếp giấy tiền vàng bạc, lột hột điều gia công... Những người đi làm mướn làm việc cả trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Ngoài ra, do sự phát triển của nghề nuôi tôm nên ở các cộng đồng này đã tham gia tích cực trong mạng lưới thị trường nối kết vùng nông thôn và đô thị. Các hộ nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến ở ấp Đình của tỉnh Long An có thể tham gia trực tiếp hay gián tiếp thông qua mạng lưới thương lái để đem bán sản phẩm cho các chợ đầu mối ở Tp. Hồ Chí Minh. Trong khi đó, ở ấp Thị Trường của tỉnh Cà Mau, do thu hoạch nhỏ lẻ nên chủ yếu phải thông qua mạng lưới thương lái để tham gia thị trường. Thị trường tiêu thụ tôm trước đây ở ấp Đình trước đây chủ yếu là cho các công ty xuất khẩu thủy sản đặt tại Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, hiện nay do thu hoạch không đồng bộ, số lượng thu hoạch không nhiều và không cùng một lúc nên các mối thu mua tôm chuyển sang bỏ hàng cho các chợ đầu mối, đặc biệt cung cấp cho thị trường Tp. Hồ Chí Minh. Sự thay đổi thị trường cũng dẫn đến hình thức thu mua tôm hiện nay là “mua tôm oxy”, là hình thức mua tôm còn sống, tôm được gây mê và cho thở oxy để chở đi về các vựa. Trong khi đó, tại Thị Trường của tỉnh Cà Mau do tại xã có doanh nghiệp thu mua tôm và chế biến hàng xuất khẩu nên qua mạng lưới các thương lái đi đến từng hộ dân thu mua “tôm thị”, là loại tôm sau khi bắt bỏ được ướp đá từ một đến hai ngày trước khi bán cho các thương lái chuyển về công ty thu mua.. Ngoài ra, trong mạng lưới thị

trường nghề tôm, hệ thống đại lý thức ăn cũng nối kết các vùng nông thôn xa xôi này. Các nhà máy thức ăn cho tôm thường ở các khu đô thị công nghiệp ở Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, và Bình Dương. Để cung cấp thức ăn cho tôm, tại các vùng nông thôn đã có mạng lưới đại lý cấp 2, hay cấp 3. Các đại lý thức ăn này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người nuôi tôm trong việc cung cấp vốn qua hình thức “*ăn trước, trả sau*” hay hỗ trợ thông tin khoa học kỹ thuật qua mạng lưới các kỹ sư thủy sản. Chủ các đại lý, là người địa phương thường được các công ty mời đi nước ngoài hay tham quan học tập. Những người nuôi tôm trong cộng đồng cũng thường được mời tham gia các chương trình tham quan học tập về nghề nuôi tôm ở các tỉnh nuôi tôm lân cận hay tham gia hội thảo tại các nhà máy.

Mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị còn thể hiện qua việc nông thôn là một thị trường cung cấp lao động và dịch vụ cho các đô thị. Hay nói cách khác, sự phát triển ở các đô thị đã tạo điều kiện về việc làm cho các cư dân ở nông thôn. Sản xuất nông nghiệp có nhiều bất ổn thể hiện ở các cộng đồng nuôi tôm là một trong những lực đẩy quan trọng cho quá trình di cư nông thôn – đô thị. Trong quá trình chuyển dịch sang nuôi tôm do điều kiện đất đai chưa được cải thiện phù hợp và quan trọng là đa số người dân thiếu kiến thức về nuôi tôm nên một bộ phận người dân đã không đạt được kết quả như mong đợi ngay từ giai đoạn đầu. Trong khi phải đầu tư nhiều vốn vào việc đào ao vuông và con giống mà lại liên tục nuôi không có kết quả nên nhiều hộ đã rơi vào cảnh

nợ ngân hàng mà cho đến hiện nay sau gần 10 năm chuyển dịch vẫn chưa có khả năng trả nợ hết. Chương trình vay ngân hàng đã bắt đầu từ năm 2000-2001, năm bắt đầu chuyển dịch. Do thua lỗ tôm liên tục nên hiện nay (năm 2010) vẫn còn rất nhiều hộ không trả được. Năm 2009, ở Thị Trường còn khoảng 40 hộ nợ ngân hàng với tổng số tiền khoảng 300 triệu đồng. Đây là những hộ sau các chương trình giảm lãi suất, miễn lãi suất vẫn không trả được nợ. Do vậy, đầu năm 2010, ngân hàng kết hợp với địa phương để đòi các khoản nợ người dân đã vay nên dẫn đến hiện tượng nhiều hộ dân cố đất để trả nợ cho ngân hàng. Ở ấp Đình của tỉnh Long An, hiện tượng nợ quá hạn ngân hàng do nuôi tôm không diễn ra gay gắt như ở Thị Trường nhưng thu nhập từ con tôm vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, đe dọa đến an ninh cuộc sống của người dân. Người dân hiện nay xem nghề nuôi tôm như một “*cuộc chơi may rủi.*” Song song với sự gia tăng diện tích, sự thâm canh thì dịch bệnh làm chết tôm cũng diễn ra gay gắt ở các vùng nuôi tôm. Năm 2010, diện tích tôm chết do dịch bệnh ở ấp Đình lên đến 80% (phỏng vấn UBND xã Tân Chánh, 2010). Tính bất ổn trong hoạt động nông nghiệp càng làm thúc đẩy thêm quá trình di cư lao động của địa phương đến các đô thị công nghiệp.

Hiện nay, ở cả hai địa bàn khảo sát, sự di cư lao động đến các đô thị để kiếm việc làm ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, do các di cư lao động nông thôn – đô thị mang tính chất tự phát nên đa phần lực lượng lao động chưa được đào tạo tay nghề chuyên môn nên các công việc mà lực lượng này tham gia chủ yếu là các công

việc lao động chân tay. Lực lượng lao động này đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế của các khu đô thị với giá nhân công rẻ. Với vị trí thuận lợi về địa lý gần Tp.HCM, tỉnh Long An nói chung là “tỉnh tiêu biểu nhất trong các dòng di dân về thành phố, cả về tổng số từ trước đến nay. Dân nhập cư vào Tp.HCM có nguồn gốc Long An chiếm tỷ lệ 7,3% tổng số di dân từ năm 1976 đến 1995”. Trong nội bộ tỉnh Long An, các huyện giáp ranh Tp.HCM được ghi nhận là có những dòng di dân quan trọng nhất [3, tr. 33].

Như vậy, vị trí địa lý có tác động đến quá trình di cư lao động nông thôn – đô thị. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển hiện nay, khoảng cách địa lý nông thôn – đô thị đã được giảm thiểu. Trường hợp ấp Thị Trường của tỉnh Cà Mau là một ví dụ minh họa.

Trước năm 2000, di cư lao động đến các khu đô thị công nghiệp không là một hiện tượng phổ biến ở Thị Trường của tỉnh Cà Mau. Do có diện tích canh tác lớn và công việc trồng lúa cần nhiều lao động nên người dân địa phương thường lao động tại chỗ. Vào những lúc nông nhàn, họ có di cư đến các vùng nông nghiệp lân cận để làm thêm. Hiện nay, do thất bại liên tục trong nuôi tôm, các thanh niên ở đây đã di cư đến những nơi khác để tìm việc làm. Họ trở thành công nhân ở các xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, đi làm mướn ở các tỉnh khác chủ yếu là tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh. Đường giao thông thuận tiện và mạng lưới thông tin phi chính thức qua những người quen biết về việc làm ở các khu đô thị đã khiến cho cộng đồng cư dân ở Thị Trường của

ting Cà Mau đã có thể tiếp cận thông tin về việc làm ở các khu đô thị công nghiệp ở xa. Người nuôi tôm chủ yếu là những người trung niên và những thanh niên có gia đình, người mà có trách nhiệm chăm sóc gia đình và cha mẹ của họ. Theo thống kê của xã Hòa Mỹ, trong 2.067 hộ với 9.290 nhân khẩu, số người trong độ tuổi lao động là 5.979 người. Di cư lao động đi nơi khác làm ăn năm 2009 chiếm khoảng 60% tổng số lao động.<sup>25</sup> Theo thống kê của UBND xã Tân Chánh, trong 2.742 hộ với 12.136 khẩu, số người trong độ tuổi lao động là 7.451 người. Số người di cư lao động nơi khác khoảng 40% vào năm 2009.

### Kết luận

Qua hai trường hợp nghiên cứu, chúng tôi cho là dù đô thị hóa được xem như một tiêu chí cho sự phát triển kinh tế của vùng nhưng với tiềm năng và vai trò quan trọng của vùng ĐBSCL cho việc đảm bảo an ninh lương thực thì vấn đề quy hoạch phát triển cân đối giữa nông thôn và thành thị là điều quan trọng. Các khu đô thị được quy hoạch dựa trên việc hội tụ các điều kiện cần thiết về phát triển kinh tế, vị trí địa lý, sự tập trung dân cư sẽ là những động lực thúc đẩy cho kinh tế của vùng trong đó có các khu vực nông thôn. Theo Quyết định số 1581/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, theo đó, xây dựng hệ thống đô thị trên toàn vùng là nhiệm vụ trọng tâm. Dự kiến dân số trong vùng đến năm 2010 khoảng 20-21 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 7-7,5 triệu người, với tỷ lệ đô

thị hóa 33-35% và đến năm 2050, tỷ lệ đô thị hóa sẽ là 40-50%. Như vậy, đô thị hóa vùng ĐBSCL đã được xem như một con đường thúc đẩy sự phát triển của vùng.

Tuy nhiên, qua hai trường hợp khảo sát chúng tôi nhận thấy vai trò quan trọng của nông nghiệp nông thôn cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho thị trường ở đô thị và xuất khẩu. Hoạt động nông nghiệp giờ đây không còn mang tính tự cung tự cấp mà mang tính thương mại hướng về thị trường. Thế nhưng do các bất cập trong sản xuất nông nghiệp, ở trường hợp nuôi tôm là các vấn đề về môi trường, chất lượng con giống và giá cả đã khiến cho nuôi tôm không phải luôn là một hoạt động hấp dẫn đối với người dân. Ngoài lý do di cư lao động đến các vùng đô thị để tìm cơ hội phát triển tốt hơn, sự bất ổn trong hoạt động nông nghiệp làm gia tăng thêm luồng di cư này như hai trường hợp nghiên cứu đã thể hiện. Sự đa dạng về các hoạt động kinh tế do sự phát triển nội tại và do mối quan hệ với các khu đô thị ngày càng phát triển ở khu vực nông thôn, trong đó yếu tố vị trí địa lý thuận lợi là một điều kiện quan trọng. Hiện nay, di cư lao động đến các khu đô thị là một giải pháp cần thiết cho việc mưu sinh của cư dân. Sự di cư lao động này còn được nhìn ở một khía cạnh khác đó là phản ánh tính thiếu bền vững của hoạt động nông nghiệp.

Xét cho cùng sự phân biệt về mặt chức năng của nông thôn và thành thị vẫn giữ nguyên bản chất của nó thể hiện trong hai trường hợp khảo sát trên. Tuy nhiên những dòng di cư lao động, những mối quan hệ thị trường là những mảng

<sup>25</sup> UBND xã Hòa Mỹ, điều tra dân số 1 tháng 4 năm 2009



giao nhau giữa khu vực nông thôn và thành thị khiến cho việc tách bạch giữa nông thôn và đô thị như hai đơn vị phân tích là điều không thể. Các cư dân nông thôn di cư lao động tạm thời và trở về hoạt động nông nghiệp khi có điều kiện thuận lợi là một minh chứng. Họ quay trở về với những kinh nghiệm, các mối quan hệ và lối sống ảnh hưởng từ đô thị tác động một phần

đến sự thay đổi ở nông thôn. Tuy đô thị hóa là một con đường phát triển nhưng trong quá trình này phải cân nhắc đến sự hài hòa với phát triển nông thôn, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp ở vùng ĐBSCL vốn là một hoạt động kinh tế có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực.

**Bảng 1.** Mật độ cư trú và tỷ lệ nông nghiệp ở cộng đồng nông thôn khảo sát

STT	Mật độ cư trú và tỷ lệ nông nghiệp	ấp Đình, xã Tân Chánh	Xã Tân Chánh, tỉnh Long An	ấp Thị Trường, xã Hòa Mỹ	Xã Hòa Mỹ, tỉnh Cà Mau
1	Mật độ dân cư (người/ km <sup>2</sup> )	900/ km <sup>2</sup>	700/ km <sup>2</sup>	300/ km <sup>2</sup>	260/ km <sup>2</sup>
2	Tỷ lệ hộ nuôi tôm	80%*	75%**	94%* <sup>26</sup>	90%** <sup>27</sup>
3	Diện tích đất sản xuất bình quân đầu người (m <sup>2</sup> / người)	734	746	1.527	1.527

## URAL EMPLOYMENTS IN THE MEKONG DELTA AND ITS RELATIONSHIP WITH URBAN AREAS IN THE SHIFT FROM RICE CULTIVATION TO SHRIMP FARMING

**Ngo Thi Phuong Lan**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

**ABSTRACT:** *By analyzing dimensions of labor migration in the delta's rice-to-shrimp communities, this paper suggests that in the present context, the relationship between rural and urban areas cannot be separately analyzed. In this paper, this close relationship is manifested in two aspects of rural employments and rural-urban migration. Those factors of excess labor, limited land, lack of employment, and uncertain conditions in agriculture production are important motivations of labor migration in the delta. Our findings are that having close proximity to industrial and urban areas remains an important drive of rural-urban migration. However, the rapid development of transportation and information which more and more connects rural and urban areas effectively has reduced geographical distance. Consequently, the organic relations between rural and industrial and urban*

<sup>26</sup> Tỷ lệ phần trăm này được tính dựa trên khảo sát số hộ nuôi tôm ở hai cộng đồng.

<sup>27</sup> Số liệu của UBND xã Tân Chánh và UBND xã Hòa Mỹ năm 2009

areas have accelerated rural-urban migration. Moreover, rural-migration is also an indicator of unsustainability in agricultural production of the Mekong Delta.

**Keywords:** rural–urban relations, labor migration, shrimp farming, the Mekong Delta

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Quang Dũng. *Xã hội học nông thôn*. NXB KHXH (2007)
- [2]. Đảng ủy xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. *Lịch sử truyền thống xã Tân Chánh* (2003)
- [3]. Vũ Thị Hồng, Patrich Gubry, và Lê Văn Thành. *Những con đường về thành phố: di dân đến thành phố Hồ Chí Minh từ một vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. NXB. Tp. HCM (2003)
- [4]. Mai Trọng Thông, Hoàng Xuân Thành, Hà Thị Phương Tiến, Nguyễn Thu Hương, Trần Tuyết Hạnh, Ngô Văn Hải, Vũ Ngọc Huyền, Lê Đăng Trung, Lê Phú Cường, Marcille, Jacque. *Đánh giá mối quan hệ tự do hóa thương mại, đói nghèo nông thôn, môi trường trong nghề nuôi tôm*. Tóm tắt báo cáo dự án (2006)
- [5]. Quyết định số 1581/QĐ-TTg ngày 9 tháng 10 năm 2009 về Quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.
- [6]. Tổng cục thống kê. *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 - Di cư và đô thị hoá ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt* (2009) [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)
- [7]. Viện ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng (2001)
- [8]. Barney, Cohen. “Urbanization in Developing Countries: Current Trends, Future Projections, and Key Challenges for Sustainability.” *Technology in Society*. Vol. 28. Tr. 63-80 (2006)
- [9]. Kasaida, John D. và Crenshaw, Edward M. “Third World Urbanization: Dimensions, Theories, and Determinants.” *Annual review of Sociology*. Vol. 17. Tr. 467-501 (1991)
- [10]. Ritzer, George (Ed.). *Encyclopedia of Social Theory: Volume II*. Sage Publication (2005)